

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/DS-PT

Ngày: 13-5-2019

Về việc tranh chấp về: Huỷ giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất; thay đổi người
quản lý di sản và bồi thường thiệt hại
về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thay đổi người quản lý di sản và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2016/DS-ST ngày 02 và 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 520/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kha Thanh M; Địa chỉ cư trú: đường Tr, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bà Kha Thanh M: Ông Kha Thanh Nh; Địa chỉ cư trú: đường P, phường M1, Thành phố L, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền 03/3/2017, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Kha Thanh M: Ông Trần Ngọc Ph là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Ngọc Ph thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Bà Lâm Hương Th; Địa chỉ cư trú: đường Tr, phường M1, Thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

2/ Anh Kha Nhật Ph, sinh năm 2000 (do bà Lâm Hương Th giám hộ, có mặt).

3/ Anh Kha Kim G; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Tr, phường M1, Thành phố L, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên lạc: 69 L A C CM1 2BW - Vương Quốc Anh (vắng mặt).

4/ Anh Kha Giang Nh; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Tr, phường M1, Thành phố L, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên lạc: 18 C S CH1 4Ad C United Kingdom; Đại chỉ hiện tại: đường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Hương Th: Ông Lê Văn Ph là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Văn Ph thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

5/ Ông Phan Thanh H (có mặt).

6/ Bà Trần Thị L; Cùng địa chỉ cư trú: khóm T, phường M3, Thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L: Ông Trần Anh H là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Kha Thanh Nh; Địa chỉ cư trú: 28/3 Tr, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

2/ Ông Kha Chánh Kh, Địa chỉ cư trú: P 259 Y 2195 A (vắng mặt).

3/ Ông Kha Chánh K; Địa chỉ cư trú: P 842 B NSW 1885 A (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Kha Chánh Kh, ông Kha Chánh K: Bà Kha Thanh Nh (có căn cước nêu trên, theo các văn bản ủy quyền ngày 07/3/2017 và 08/3/2017).

4/ Bà Kha Thanh V; Địa chỉ cư trú: đường Tr, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

5/ Bà Kha Thanh Th1, Địa chỉ cư trú: đường N, phường M1, Thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

6/ Bà Trần Ánh Ch (là người thừa kế của bà Kha Hữu H1); Địa chỉ cư trú: khóm T1, phường M4, Thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

7/ Bà Lâm Thái Ng2, Địa chỉ cư trú: đường N, phường M1, Thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

8/ Ủy ban nhân dân Thành phố L; Địa chỉ trụ sở: đường Tr, phường M1, Thành phố L, An Giang (có đơn xin vắng mặt).

9/ Văn phòng công chứng L; Địa chỉ trụ sở: đường Tr, phường M1, Thành phố L, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Công chứng L: Ông Trịnh Thế H (theo văn bản ủy quyền ngày 17/12/2014, có đơn xin vắng mặt).

10/ Bà Trần Thị Phương Th1; Địa chỉ cư trú: khóm Tr1, phường M3, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

11/ Chị Phan Mỹ Ng1, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

12/ Anh Nguyễn Việt Kh1 (có đơn xin vắng mặt).

13/ Cháu Phan Kim Ng, sinh năm 2003

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phan Kim Ng: Ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L (cha mẹ ruột, có căn cước nêu trên).

Cùng cư trú: khóm T, phường M3, Thành phố L, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Các ông bà Phan Thanh H, Trần Thị L, Lâm Hương Th và Kha Giang Nh là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Kha Thanh M do bà Kha Thanh Nh đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ của bà là ông Kha Tr và bà Đặng Kim Ph lúc sinh thời có tạo lập được nhiều tài sản đã chia cho tất cả các con. Riêng phần căn nhà số 40, ấp L1, phường M3, thành phố L, tỉnh An Giang gắn liền với diện tích đất 1.004,6m² không phân chia cho bất kỳ người nào mà giao trách nhiệm cho Kha Chánh M quản lý, thờ cúng tổ tiên, nhà và đất này dành cho việc mai táng, làm mồ mã theo di chúc ngày 31/10/1996 của Kha Tr và bà Đặng Kim Ph để lại.

Theo di chúc thì Kha Chánh M không phải là chủ di sản thờ cúng, nên Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613/QSDD/Ag ngày 29/5/2002 cho Kha Chánh M là hoàn toàn sai pháp luật. Việc ông Kha Chánh M định đoạt di chúc lại cho các con là không đúng pháp luật và bà Lâm Hương Th; Kha Kim G; Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph đã đập phá tháp mộ, bốc mộ của mẹ bà, làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan Thanh H và bà Trần Thị L là hoàn toàn sai trái không được pháp luật thừa nhận. Ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ngày 11/6/2012, Ủy ban nhân dân thành phố L đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phan Thanh H và bà Trần Thị L. Việc ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L ngoan cố thi công cất nhà và quán nước bán cà phê, cất tiệm tạm hóa dù gia đình bà có nhiều lần nhờ Ủy ban nhân

dân phường M3 ngăn chặn nhưng ông H cố tình xây cất là hành vi không chấp hành.

Nay, bà và các thừa kế khác yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613/QSDD/Ag ngày 29/5/2002 cấp cho ông Kha Chánh M.

2/ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/10/2011 giữa Kha Kim G, Kha Giang Nh, Kha Nhật Ph với ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L để trả lại diện tích 1.004,6m², thửa số 73-74, tờ bản đồ số 27 tọa lạc phường M3, Thành phố L, tỉnh An Giang.

3/ Giao phần hương hỏa cho Kha Thanh M quản lý để xây lại nhà thờ, mồ mã, thờ cúng theo đúng di chúc ngày 31/10/1996 của cha mẹ để lại. Bà Kha Thanh M sẽ có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng đất thờ cúng theo quy định của pháp luật.

4/ Buộc bà Lâm Hương Th cũng là giám hộ của Kha Nhật Ph, Kha Kim G, Kha Giang Nh bồi thường toàn bộ thiệt hại do đã đập bỏ căn nhà thờ và mồ mã trên đất là 300.000.000 đồng (phần thiệt hại về xây dựng mộ tháp: 100.000.000 đồng, phần nhà thờ 200.000.000 đồng).

Ngày 05/01/2018, bà Kha Thanh M có đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện và bà xin rút lại phần yêu cầu bồi thường thiệt hại 300.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lâm Hương Th và Kha Nhật Ph do bà Th đại diện theo pháp luật trình bày:

Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đất tranh chấp trước đây cha mẹ ông Kha Chánh M đã di chúc hợp pháp lại cho ông Kha Chánh M và ông Kha Chánh M đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng ông Kha Chánh M đúng theo quy định pháp luật, Giấy chứng nhận không hạn chế quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật và ông Kha Chánh M đã di chúc lại cho các con là Kha Kim G; Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph. Sau khi ông M chết các con thực hiện nghĩa vụ là chuyển nhượng phần đất trên để trả nợ cho cha là ông Kha Chánh M khi còn sống vay Ngân hàng Đ là làm đúng theo di chúc ngày 02/3/2010 của ông Kha Chánh M. Hơn nữa toàn bộ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng chuyển nhượng đất đều do Văn phòng công chứng L và Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L thực hiện.

Đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại bà cũng không đồng ý vì ông M đã được cha mẹ cho riêng phần đất ở M3 các anh em điều không tranh chấp, sau khi mẹ mất thì ông M đã đưa mẹ về chôn trên phần đất thuộc quyền thừa hưởng của mình và tự chi tiền xây tháp mộ cho mẹ. Toàn bộ ngôi mộ và tháp mộ của cụ Đặng Kim Ph là do ông M trực tiếp chi tiền thuê người xây dựng hoàn toàn không có sự đóng góp của các anh em vì vậy không có cơ sở để các nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về mồ mã.

Đối với phần đất để dùng vào việc thờ cúng thì sau khi cha là Kha Tr chết thì các anh em thống nhất đưa về phần đất có diện tích 10.997m² tọa lạc tại ấp V1, xã V2, huyện Th, tỉnh An Giang theo di chúc ngày 01/4/1998 thì phần đất này mới là phủ thờ họ tộc, hiện tại trên phần đất này đã xây dựng tháp mộ cha và điện thờ phật, phủ thờ cúng cha mẹ, chị ruột của ông M cũng được đưa vào phủ thờ này.

Bị đơn ông Phan Thanh H và bà Trần Thị L trình bày:

Ông Kha Chánh M có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613/QSĐĐ/Ag ngày 29/5/2002 và ông M đã lập di chúc để lại cho các con ông M là Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph do bà Lâm Hương Th người giám hộ cho Kha Nhật Ph. Ông M chết các con ông M đứng ra chuyển nhượng phần đất nêu trên cho vợ chồng ông bà là hợp pháp, khi nhận chuyển nhượng hai bên có đến công chứng tại Phòng công chứng L theo đúng quy định pháp luật, ông bà đã giao đủ tiền cho bà Lâm Hương Th đại diện nhận số tiền 3.350.000.000 đồng và cũng đã giao đất cho ông bà sử dụng.

Trước khi nhận chuyển nhượng thì trên đất có cái tháp mộ nhưng sau khi ông bà nhận đất thì phía bà Lâm Hương Th đã đập bỏ tháp mộ, bốc mộ đi nơi khác, khi giao đất là đất trống, chung quanh đất có hàng rào bao toàn bộ đất. Sau khi nhận đất vợ chồng ông bà đã cất nhà có diện tích 120m², xây tường, lợp tole, Quán nước diện tích 200m² bằng cây lá, 01 cái Kiot bằng tiền chế hiện cho bà Trần Thị Phương Th1 thuê (kiot cất 2016).

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả đất, vợ chồng tôi không đồng ý vì đất này vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng hợp pháp, do hai bên tự nguyện, không ai ép buộc, các nguyên đơn không có quyền khởi kiện để đòi lại tài sản, vợ chồng ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Kha Kim G và Kha Giang Nh Tòa án đã tổng đạt và làm thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định nhưng Kha Kim G và Kha Giang Nh không có ý kiến trình bày gửi về Tòa án.

Bà Phan Mỹ Ng1 và Nguyễn Việt Kh1 trình bày: Việc tranh chấp là của cha mẹ chúng tôi, chúng tôi không liên quan, chúng tôi hiện đang cư trú chung nhà với cha mẹ chúng tôi là Phan Thanh H và Trần Thị L, nên chúng tôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của cha mẹ chúng tôi và công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất để chúng tôi có nơi ở ổn định.

Ông Kha Chánh Kh; Kha Thanh V; Kha Chánh K; Kha Thanh Th1; Trần Ánh Ch thống nhất phần trình bày của bà Kha Thanh Nh.

Ủy ban nhân dân thành phố L có ý kiến xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân thành phố L đồng ý theo bản án mà Tòa án ban ra có hiệu lực thi hành.

Văn phòng Công chứng L có ý kiến vẫn giữ nguyên ý kiến theo văn bản ngày 22/12/2014 và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bà Lâm Thái Ng2 không có ý kiến trình bày, có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 02 và 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 127, 128, 137, 138, 638, 639 và 670 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 104, 105 và 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 34, Điều 68, Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, các Điều 186, 227, 228, 244, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kha Thanh M về bồi thường thiệt hại về nhà thờ và tháp mộ số tiền 300.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kha Thanh M.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2011 giữa Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph (do bà Lâm Hương Th giám hộ) với Phan Thanh H, Trần Thị L là vô hiệu toàn bộ.

Buộc ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L, Phan Ngọc Mỹ, Nguyễn Việt Kh1 và Phan Kim Ng (Do ông H, bà L giám hộ) có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các căn nhà, vật kiến trúc và các loại cây (Trừ khung nền bê tông là chân tháp mộ có diện tích 11,8m² tại các điểm 12,14,55,54,19,20 theo bản vẽ của Văn Phòng đăng ký đất đai chi nhánh L lập ngày 02/8/2017, và toàn bộ tường rào bao xung quanh diện tích đất là giữ nguyên không phải di dời, tháo hay đập bỏ), để trả lại diện tích đất 1.005,8m² tại các điểm 43,47,59,58 theo bản vẽ của Văn Phòng đăng ký đất đai chi nhánh L lập ngày 02/8/2017 cho bà Kha Thanh M đại diện thừa kế của cụ Trương, cụ Phụng tạm thời quản lý để dùng vào việc thờ cúng.

Buộc Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph (do bà Lâm Hương Th đại diện giám hộ) phải có trách nhiệm liên đới hoàn lại cho ông Phan Thanh H và bà Trần Thị L số tiền 3.350.000.000đ (Ba tỷ ba trăm năm chục triệu đồng) tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại số tiền là 386.135.050đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm ngàn không trăm năm mươi đồng); tổng cộng là: 3.736.135.050đ (Ba tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm ngàn không trăm năm mươi đồng).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613/Ag ngày 29/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Kha Chánh M đứng tên.

Giao diện tích đất 1005,8m² (đo thực tế) tại các điểm 43,47,59,58 theo bản vẽ của Văn Phòng đăng ký đất đai chi nhánh L lập ngày 02/8/2017 cho bà Kha Thanh M đại diện các thừa kế của cụ Kha Tr, cụ Đặng Kim Ph quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm, về án phí dân sự sơ thẩm, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/3/2018, ông Phan Thanh H và bà Trần Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông bà đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ kháng cáo mà bà L và ông H đưa ra là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M không ghi đất dùng vào việc thờ cúng, không hạn chế quyền của người sử dụng; ông bà nhận chuyển nhượng hợp pháp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định.

Ngày 26/3/2018 và 10/4/2018, ông Kha Giang Nh và bà Lâm Hương Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông bà yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Căn cứ kháng cáo mà bà Th và ông Nhật đưa ra là:

1/ Về thủ tục tố tụng:

- Về việc xác định tư cách đương sự: Đất do ông Kha Chánh M đứng tên quyền sử dụng hợp pháp. Ông H, bà L nhận chuyển nhượng hợp pháp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế đã quản lý sử dụng từ năm 2011 đến nay. Như vậy, ông H, bà L phải được xác định là bị đơn và ông Nhật, bà Th phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bản án sơ thẩm tuyên hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613/QSĐĐ/Ag cấp cho ông Kha Chánh M ngày 29/5/2002, nhưng giấy chứng nhận này đã được thu hồi, lưu trữ, ghi biến động tên người nhận chuyển nhượng...là nhằm lẫn về thẩm quyền của cơ quan hành chính và vi phạm thủ tục tố tụng.

- Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất được dùng để trả nợ Ngân hàng do ông M vay trước đó để chữa bệnh. Bản án sơ thẩm tài sản là di sản mà ông M được nhận là không hợp pháp, do đó số tiền Ngân hàng nhận của ông M cũng là không hợp pháp nên cần đưa Ngân hàng TMCP Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2/ Về việc xử lý đơn phản tố của bị đơn:

- Ngày 03/11/2017, bị đơn gửi đơn phản tố và yêu cầu độc lập; đương sự nộp đơn yêu cầu và đơn xin hoãn phiên họp ngày 29/11/2017 và bưu cục báo phát ngày 22/12/2017.

Toà án cấp sơ thẩm ra Thông báo 84/TB-TA ngày 22/10/2017 không chấp nhận đơn phản tố của bị đơn là trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bị đơn không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các Luật sư trình bày ý kiến như sau:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

1/ Về thủ tục tố tụng:

Bản án sơ thẩm xác định ba người con của ông M là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M là không đúng.

Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các con của ông M ở nước ngoài chưa đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tờ di chúc xác định cho riêng ông M 01 công đất ở ấp M3. Việc ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không hạn chế quyền của người sử dụng đất. Do đó, việc các con của ông M chuyển nhượng đất cho ông H để trả nợ cho Ngân hàng là hợp pháp. Các đương sự cũng thừa nhận, ngoài phần đất đang tranh chấp, gia đình của các đương sự còn có phần đất dành cho việc chôn cất ở Th. Do đó, Luật sư đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L trình bày:

Di chúc đầu tiên ghi rõ cho riêng ông M một khách sạn, một công đất ở M3; đồng thời đến di chúc năm 1998 một lần nữa cũng xác định lại điều này. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M là đúng pháp luật. Các con của ông M chuyển nhượng đất cho ông H, bà L để lấy tiền trả nợ mà ông M đã vay để chữa bệnh và ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn đúng pháp luật. Luật sư đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà L.

Ông H bổ sung thêm: Gia đình ông mua đất nhằm mục đích ổn định đời sống, không nhằm mục đích kinh doanh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Bà Th tự nguyện làm người đại diện cho những người con ở nước ngoài nên Toà án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Th là phù hợp với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bản di chúc năm 1996 xác định phần đất mồ mả chỉ giao cho ông M quản lý. Do đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cá nhân ông M là không thể hiện đúng ý chí của người để lại di sản theo bản di chúc năm 1996. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H đã bị UBND thành phố L thu hồi, khi ông H khởi kiện vụ án hành chính thì Tòa án hai cấp ở An Giang đã bác yêu cầu khởi kiện. Do đó, giấy chứng nhận này không còn giá trị pháp lý. Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày như sau:

1/ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà Phan Thanh H, Trần Thị L, Kha Giang Nh và Lâm Hương Th làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3/ Về nội dung kháng cáo:

Về kháng cáo của các đương sự cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét thấy, toàn bộ phần đất mà các bên tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông M, di chúc chỉ giao cho ông M quyền quản lý làm đất thờ cúng. Việc các con ông M chuyển nhượng cho ông H, bà L là trái pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của các ông bà Phan Thanh H, Trần Thị L, Kha Giang Nh, Lâm Hương Th và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà Phan Thanh H, Trần Thị L, Kha Giang Nh và Lâm Hương Th làm trong thời hạn, có nội dung phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận về mặt hình thức để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về kháng cáo của ông Nhật, bà Th và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, về các vi phạm thủ tục tố tụng của bản án sơ thẩm, về việc bà Th từ chối làm người đại diện cho bà Ph và về xử lý đơn phản tố:

[2.1.1] Về việc xác định tư cách đương sự:

Ông Kha Chánh M được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613/QSDĐ/Ag ngày 29/5/2002. Sau khi ông M chết, ngày 22/10/2011 các con của ông M chuyển nhượng cho ông H, bà L và người nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận.

Xét thấy giấy chứng nhận cấp cho ông M đã ghi biến đổi tên người sử dụng đất, đã bị thu hồi, đang được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố L. Giấy chứng nhận cấp cho ông H, bà L cũng đã bị thu hồi, nhưng trên thực tế ông H, bà L vẫn là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định tư cách tham gia tố tụng của các ông bà Lâm Hương Th, Kha Giang Nh, Kha Kim G, Kha Nhật Ph, Phan Thanh H và Trần Thị L là bị đơn là đúng pháp luật. Do đó nội dung kháng cáo này của ông Nhật, bà Th và đề nghị của Luật sư là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.1.2] Tại phiên toà phúc thẩm, bà Th từ chối làm người đại diện cho bà Ph và nộp cho Hội đồng xét xử văn bản trình bày ý kiến của bà Ph về việc đề nghị được trực tiếp tham gia phiên toà, Xét thấy, văn bản của bà Ph được lập ở nước ngoài, nhưng không được chứng thực hoặc hợp pháp hoá Lãnh sự theo quy định nên không có căn cứ để xem xét.

[2.1.3] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng: Xét thấy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm cho các đương sự hoặc cho người đại diện hợp pháp của các đương sự là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.1.3] Về việc xử lý đơn phản tố của bị đơn:

Tại cấp sơ thẩm, bà Th có đơn khiếu nại và đơn yêu cầu phản tố, nhưng xét thấy khiếu nại và yêu cầu phản tố của bà Th được nộp sau khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận và đã có văn bản trả lời cho bà Th. Do đó nội dung kháng cáo này của ông Nhật, bà Th là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về kháng cáo của ông Nhật, bà Th, ông H và bà L, cũng như đề nghị của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn, về nội dung của vụ án:

[2.2.1] Về nguồn gốc đất, về giá trị của bản di chúc, về việc dịch chuyển người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo lời trình bày của các đương sự thì phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Kha Tr và cụ Đặng Kim Ph. Các đương sự đều thừa nhận Tờ di chúc lập ngày 31/10/1996, được Phòng công chứng Nhà nước số 1 tỉnh An Giang chứng thực là hợp pháp.

Tại Mục B, trang 3 của bản di chúc nêu rõ “Về phân tài sản dùng vào việc thờ cúng: Đó là căn nhà số 40 tọa lạc ấp L1 (cổng bà Thứ) xã M3, L, An Giang. Chúng tôi giao trách nhiệm quản lý cho Kha Chánh M, không được bán vì đây

là tài sản dùng vào việc thờ cúng tổ tiên, nhà và đất này là dành riêng cho việc mai táng, làm mồ mã”.

Việc UBND thành phố L cấp giấy chứng nhận số 00613/Qg ngày 29/5/2002 đối với các thửa đất số 73,74 bản đồ 27, diện tích 1004,6m² cho ông M là không trái quy định của pháp luật, nhưng chưa thật chặt chẽ, vì không ghi rõ mục đích dùng vào việc thờ cúng như ý chí di chúc đã định đoạt.

Do đây là di sản dùng vào việc thờ cúng và trên đất có tháp mộ nên việc ông M lập di chúc để lại tài sản này cho các con (Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph) vào ngày 02/3/2010 tại Phòng công chứng số 1 mà không có sự thỏa thuận đồng ý của tất cả các đồng thừa kế của cụ Trương và cụ Phụng là vi phạm khoản 1 Điều 670 Bộ luật Dân sự 2005.

[2.2.2] Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H, bà L:

Như trên đã phân tích, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M chưa thể hiện đầy đủ ý chí của người để lại di sản; việc ông M có di chúc để lại tài sản dùng vào việc thờ cúng cho các con là vi phạm pháp luật. Do đó, việc các con của ông M (gồm Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph) chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H, bà L vào ngày 22/10/2011, về nội dung là vi phạm khoản 1 Điều 638, điểm b khoản 1 Điều 639 của Bộ luật Dân sự 2005.

Mặt khác, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2011 giữa các con của ông M và vợ chồng ông H, bà L có những vi phạm về hình thức như sau:

Tại thời điểm các bên lập hợp đồng chuyển nhượng thì ông M đã chết (ngày 29/9/2010) nhưng bên chuyển nhượng ghi tên ông M là sai. Các con của ông M chưa được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất nên không có quyền chuyển nhượng. Tại thời điểm chuyển nhượng thì chị Kha Nhật Ph chưa thành niên (có bà Th giám hộ), nhưng không có chữ ký của chị Ph và bà Th.

Mặt khác, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02431 và CH02432 do UBND thành phố L cấp cho ông H, bà L cấp ngày 07/11/2011 đã bị thu hồi. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 19/2014/HC-PT ngày 08/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang cũng đã bác yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L về yêu cầu huỷ quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, bà. Do đó, hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không còn giá trị pháp lý.

Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào những nhận định như trên, xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2011 vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 128 của Bộ luật Dân sự 2005 và xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 137 của Bộ luật Dân sự 2005 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các ông bà Kha Giang Nh, Kha Nhật Ph, Kha Kim G; không kháng cáo yêu cầu xem xét lại việc xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và đề nghị của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đề nghị của nguyên đơn, của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy vụ án này được thụ lý lần đầu tiên ngày 17/11/2014 (số thụ lý 38/2014/TLST0-DS). Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, thì phải áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết 326 là chưa chính xác, cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Cụ thể như sau:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông bà Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph (do bà Lâm Hương Th giám hộ) phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 19.306.753 (mười chín triệu ba trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng đối với số tiền bồi thường thiệt hại. Tổng cộng là 19.506.753 (mười chín triệu năm trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng, được trừ vào 200.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 8955 ngày 26/5/2015 của Cục Thi hành án tỉnh An Giang. Các ông bà nêu trên còn phải nộp 19.306.753 (mười chín triệu ba trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 8955 ngày 26/5/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông H, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Kha Thanh M tổng cộng 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu số 62 ngày 13/11/2014 và số 63 ngày 18/11/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Phan Thanh H, Trần Thị L, Kha Giang Nh và Lâm Hương Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 02 và ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các Điều 127, 128, 137, 138, 638, 639 và 670 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 104, 105 và 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 34, Điều 68, Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, các Điều 186, 227, 228, 244, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kha Thanh M về bồi thường thiệt hại về nhà thờ và tháp mộ số tiền 300.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kha Thanh M.

2.1/ Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 22/10/2011 giữa các ông bà Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph (do bà Lâm Hương Th giám hộ) với Phan Thanh H, Trần Thị L vô hiệu toàn bộ.

2.2/ Buộc các ông bà Phan Thanh H, Trần Thị L, Phan Mỹ Ng1, Nguyễn Việt Kh1 và Phan Kim Ng (do ông H, bà L giám hộ) có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các căn nhà, vật kiến trúc và các loại cây (trừ khung nền bê tông là chân tháp mộ có diện tích 11,8m² tại các điểm 12, 14, 55, 54, 19, 20 theo bản vẽ của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh thành phố L lập ngày 02/8/2017, và toàn bộ tường rào bao xung quanh diện tích đất là giữ nguyên không phải di dời, tháo hay đập bỏ), để trả lại diện tích đất 1.005,8m² tại các điểm 43, 47, 58, 59 theo bản vẽ của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh thành phố L lập ngày 02/8/2017 cho bà Kha Thanh M đại diện thừa kế của cụ Trương, cụ Phụng tạm thời quản lý để dùng vào việc thờ cúng.

2.3/ Buộc các ông bà Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph (do bà Lâm Hương Th đại diện giám hộ) phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Thanh H và bà Trần Thị L số tiền 3.350.000.000 (ba tỷ ba trăm năm chục triệu) đồng tiền chuyển nhượng đất và bồi thường thiệt hại số tiền là 386.135.050 (ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm ngàn không trăm năm mươi) đồng; tổng cộng hai khoản là 3.736.135.050 (ba tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm ngàn không trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00613/Ag, do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Kha Chánh M ngày 29/5/2002.

2.5/ Giao diện tích đất 1005,8m² (đo thực tế) tại các điểm 43, 47, 58 ,59 theo bản vẽ của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh thành phố L lập ngày 02/8/2017 cho bà Kha Thanh M đại diện các thừa kế của cụ Kha Tr và cụ Đặng Kim Ph quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng.

Việc thi hành án được thực hiện tại Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về chi phí định giá, đo đạc thẩm định tại chỗ, lệ phí ủy thác tư pháp:

Buộc các ông bà Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph (do bà Lâm Hương Th giám hộ) hoàn trả lại cho bà Kha Thanh M, số tiền 5.476.000 (năm triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng.

Bà Kha Thanh M do bà Kha Thanh Nh đại diện tự nguyện chịu 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp theo các biên lai thu số 7536 và 7537 cùng ngày 19/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Mỹ đã thực hiện xong.

4/ Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2015/QĐ-BPKCTT ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc phong tỏa tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án.

5/ Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 08/2015/QĐ-BPBD ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Ông Phan Thanh H được nhận lại 30.000.00 (ba mươi triệu) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông bà Kha Kim G, Kha Giang Nh và Kha Nhật Ph (do bà Lâm Hương Th giám hộ) phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 19.306.753 (mười chín triệu ba trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng đối với số tiền bồi thường thiệt hại. Tổng cộng là 19.506.753 (mười chín triệu năm trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng, được trừ vào 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 8955 ngày 26/5/2015 của Cục Thi hành án tỉnh An Giang. Các ông bà nêu trên còn phải nộp 19.306.753 (mười chín triệu ba trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Thanh H, bà Trần Thị L phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 8955 ngày 26/5/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông H, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Kha Thanh M tổng cộng 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu số 62 ngày 13/11/2014 và số 63 ngày 18/11/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

7/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Các ông bà Phan Thanh H, Trần Thị L, Kha Giang Nh và Lâm Hương Th mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà mỗi người đã nộp, theo các Biên lai thu số 5246 ngày 26/3/2018, số 7262 ngày 02/4/2018 và 7285 ngày 16/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Các ông bà nêu trên đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

8/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý Phạm Văn Công

Võ Văn Khoa